

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và kinh phí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 25**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Thực hiện Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2025 cho các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản tại Điều 5 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ

vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương hằng năm của từng chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;

Xét Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và kinh phí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu và kinh phí ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 như sau:

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, số tiền: 97.892 triệu đồng, cụ thể:

- Kinh phí ngân sách Trung ương bổ sung: 85.123 triệu đồng;
 - Kinh phí ngân sách tỉnh đối ứng (bằng 15% vốn ngân sách Trung ương): 12.769 triệu đồng, gồm:
 - + Kinh phí ngân sách cấp tỉnh đối ứng: 2.119 triệu đồng;
 - + Kinh phí ngân sách huyện, thành phố đối ứng: 10.650 triệu đồng;
- (Chi tiết phân bổ theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách Trung ương bổ sung tại Quyết định số 570/QĐ-TTg ngày 11/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ và nguồn chi sự nghiệp kinh tế ngân sách cấp tỉnh đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia đã được phân bổ tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh để thực hiện nội dung tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với số kinh phí ngân sách huyện, thành phố đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nêu tại Điều 1 Nghị quyết này: các Huyện, Thành phố có trách nhiệm bố trí kinh phí đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại các Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022, Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023, Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 12/11/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện phân bổ chi tiết đến từng dự án theo Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 25 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Hậu

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục
PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố/Dự án, tiểu dự án	Tổng cộng	Trong đó:			
			Ngân sách Trung ương bổ sung	Vốn đối ứng		
				Tổng vốn đối ứng	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố
A	Phân bổ vốn theo đơn vị, huyện, thành phố	97.892	85.123	12.769	2.119	10.650
I	Phân bổ cho các Sở, Ban, ngành	16.248	14.129	2.119	2.119	-
1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	962	835	127	127	-
2	Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch	319	278	41	41	-
3	Sở Khoa học và Công nghệ	467	406	61	61	-
4	Sở Nội vụ	481	419	62	62	-
5	Sở Tài chính	26	23	3	3	-
6	Sở Y tế	136	119	17	17	-
7	Sở Xây dựng	57	49	8	8	-
8	Sở Giáo dục và Đào tạo	26	23	3	3	-
9	Trường cao đẳng nghề Ninh Thuận	7.925	6.891	1.034	1.034	-
10	Trường Cao đẳng Y tế	5.849	5.086	763	763	-
II	Phân bổ cho UBND các huyện, Thành phố	81.644	70.994	10.650	-	10.650
1	UBND TP.Phan Rang - Tháp Chàm	8.864	7708	1.156	-	1.156
2	UBND huyện Ninh Phước	11.478	9981	1.497	-	1.497
3	UBND huyện Thuận Nam	8.304	7221	1.083	-	1.083
4	UBND huyện Ninh Hải	8.261	7183	1.078	-	1.078
5	UBND huyện Thuận Bắc	7.105	6178	927	-	927
6	UBND huyện Ninh Sơn	10.473	9107	1.366	-	1.366
7	UBND huyện Bác Ái	27.159	23616	3.543	-	3.543
B	Chi tiết theo nội dung thành phần của Chương trình cho các Sở, Ban, ngành	16.248	14.129	2.119	2.119	-

STT	Cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố/Dự án, tiểu dự án	Tổng cộng	Trong đó:			
			Ngân sách Trung ương bổ sung	Vốn đối ứng		
				Tổng vốn đối ứng	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện, thành phố
1	Dự án 3: Hỗ trợ PTSX, cải thiện dinh dưỡng	428	372	56	56	-
1.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp	318	276	42	42	-
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường	318	276	42	42	-
1.2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng	110	96	14	14	-
-	Sở Y tế	110	96	14	14	-
2	Dự án 4: Phát triển GDNN, việc làm bền vững	14.229	12.373	1.856	1.856	-
2.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục NN vùng nghèo, vùng khó khăn (SN)	13.774	11.977	1.797	1.797	-
-	Trường cao đẳng nghề Ninh Thuận	7.925	6.891	1.034	1.034	-
-	Trường Cao đẳng Y tế Ninh Thuận	5.849	5.086	763	763	-
2.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	455	396	59	59	-
-	Sở Nội vụ	455	396	59	59	-
3	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	1.045	908	137	137	-
3.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	734	638	96	96	-
-	Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch	293	255	38	38	-
-	Sở Khoa học và Công nghệ	441	383	58	58	-
3.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	311	270	41	41	-
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường	311	270	41	41	-
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	546	476	70	70	-
4.1	Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	276	240	36	36	-
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường	276	240	36	36	-
4.2	Giám sát, đánh giá	270	236	34	34	-
-	Sở Nông nghiệp và Môi trường	57	49	8	8	-
-	Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch	26	23	3	3	-
-	Sở Khoa học và Công nghệ	26	23	3	3	-
-	Sở Giáo dục và Đào tạo	26	23	3	3	-
-	Sở Tài chính	26	23	3	3	-
-	Sở Y tế	26	23	3	3	-
-	Sở Nội vụ	26	23	3	3	-
-	Sở Xây dựng	57	49	8	8	-